

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**6 tháng đầu năm 2010**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý II năm 2010 của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo (gọi tắt là Công ty).

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, thương mại, du lịch
- **Ngành nghề kinh doanh** : Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi, dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ, dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại. Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát.

Mua bán: hoa, cây cảnh, lương thực, thực phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa. Đồ uống, rượu, bia, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, đồ kim khí, thiết bị văn phòng, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh.

Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Sản xuất nước đá, cà phê. Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ tắm hơi, massage. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí. Trò chơi dân gian có thưởng.

Hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa. Đại lý và điều hành tua du lịch. Kinh doanh dịch vụ khách sạn. mua bán sách, báo, giấy viết (mua bán sách, tạp chí, bản đồ, báo chí, sách giáo khoa, giấy viết). Nhập khẩu mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu và chăm sóc sắc đẹp cho nam, nữ. Đại lý mua bán vé máy bay.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH , ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG**

#### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 là năm tài chính thứ nhất của Công ty kể từ khi chuyển sang Công ty Cổ Phần.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc;

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo ngày	31/12/2009:	VND/USD
	30/06/2010 :	VND/USD

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

---

## III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

## IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

## V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền;

### 4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích ước tính dưới 12 tháng.

### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ và được lập 100% giá trị không thể thu hồi.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

---

## 6. Tài sản cố định hữu hình

### *Nguyên tắc đánh giá*

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định nếu chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

### *Phương pháp khấu hao áp dụng*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
Phương tiện vận tải	10 – 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm

## 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào sử dụng.

## 8. Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư gồm giá mua chi phí thu mua và phần giá trị lợi thế được đánh giá lại phù hợp với Quyết định của Nhà nước.

## 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Chi phí lãi vay được vốn hóa từ lúc xây dựng tài sản dở dang đến lúc có quyết định đưa tài sản đó vào sử dụng. Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

## 10. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định của Công ty và chi phí vận hành, chạy thử của khách sạn được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ không quá 36 tháng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

## 11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

## 12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% trên thu nhập chịu thuế.

## 13. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

## 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>(a) Tiền mặt</b>	<b>662.016.311</b>	
Tiền mặt tại VND	662.016.311	
<b>(b) Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>337.499.509</b>	
Ngân hàng Ngoại Thương	101.116.389	
– Tiền VND	101.116.389	
Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn	1.191.561	
– Tiền VND	1.191.561	
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Tài	220.003.090	
– Tiền VND	220.003.090	
Ngân hàng Công Thương	10.093.545	
– Tiền VND	10.093.545	
Ngân hàng Đông Á	1.876.916	
– Tiền VND	1.876.916	
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Yên	3.218.008	
– Tiền VND	3.218.008	
<b>Cộng</b>	<b>999.515.820</b>	

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

## 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cửa hàng 67 Nguyễn Thái Học	61.437.877	
Phải thu khách hàng bộ phận Land	17.429.500	
Phải thu khách hàng bộ phận sinh thái	301.837.987	
Phải thu khách hàng vận tải hàng hóa	385.433.000	
Vận tải hành khách Tuy Hòa	277.853.000	
Vận tải hành khách Sài Gòn	402.526.016	
Vận tải hành khách Quy Nhơn	150.262.484	
Khách hàng khách sạn	374.523.494	
Phải thu khách hàng bộ phận Resort	4.406.104	
Công ty TNHH Chương Hằng Cường	85.126.173.517	
Các khách hàng khác	789.150.658	
<b>Cộng</b>	<b>87.891.033.637</b>	

## 3. Trả trước cho người bán

CN Báo Kinh Tế Hợp Tác VN	100.000.000	-
Cty TNHH Vi ễn th ơng Gia K ỳ	115.217.000	
CN Cty CP TT và Th ảm Định giá Miền Trung	100.000.000	
Công ty Tân Hiệp Phát	198.700.002	
Cty TNHH XDXL Th ế Minh	145.751.465	
Công Ty Tiến Đạt	49.113.726	
DNTN SX&TM Đ ơm Mi	163.427.000	
Cty CP Nam Đ ồ	36.000.000	
Cty TNHH Ô tô Trường Hải	1.225.000.000	
Cty TNHH TM SX Sao Nam	742.000.400	
Cty CP 3.2	413.395.705	
Bộ phận Vận tải hành khách Quy Nhơn	3.451.410	
Các khách hàng khác	2.035.482.714	
<b>Cộng</b>	<b>5.327.539.422</b>	

## 4. Các khoản phải thu khác

Phải thu chi phí làm đường N1	691.888.000	
Đền bù đất	4.245.721.642	
Thuế GTGT thuê tài chính	438.022.366	
Bộ phận xe khách Quy Nhơn	99.010.000	
Bộ phận khách sạn	1.390.674.751	
Bộ phận xe khách Sài Gòn	50.525.005	
DDVN	10.522.599.340	
Các khoản khác	865.990.807	
<b>Cộng</b>	<b>18.304.431.911</b>	

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

## 5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	644.980.663	
Công cụ dụng cụ	3.784.094.202	
Sản phẩm dở dang	151.492.033	
Thành phẩm	60.954.562	
Hàng hóa	2.883.214.397	
<b>Cộng</b>	<b><u>7.524.735.857</u></b>	

## 6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số cuối kỳ	<b><u>14.366.864.305</u></b>
------------	------------------------------

## 7. Tài sản ngắn hạn khác

<b>Khoản tạm ứng nhân viên</b>	<b>2.684.239.764</b>
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	3.097.580.162
Võ Thụy Huyền	3.094.000
Bộ phận Sài Gòn	89.264.641
Các nhân viên khác	229.948.955
Tạm ứng bộ phận khách sạn	55.318.731
<b>Cộng</b>	<b><u>3.475.206.489</u></b>

## 8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số đầu năm	823.097.853.609	6.112.345.655	29.513.108.287	10.466.887.357	17.836.340.164	887.026.535.072
2. Tăng trong năm	500.000.000	510.104.120				1.010.104.120
3. Giảm trong năm	4.056.551.074	-	-	-	-	4.056.551.074
<b>4. Số cuối năm</b>	<b><u>819.541.302.535</u></b>	<b><u>6.622.449.775</u></b>	<b><u>29.513.108.287</u></b>	<b><u>10.466.887.357</u></b>	<b><u>17.836.340.164</u></b>	<b><u>883.980.088.118</u></b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
1. Số đầu năm	20.561.923.126	1.902.037.736	9.824.823.170	1.143.229.546	2.955.620.145	36.387.633.723
2. Tăng trong năm	4.044.403.817	153.198.356	504.827.814	279.413.876	628.495.713	5.610.339.576
3. Giảm trong năm	147.658.466					147.658.466
<b>4. Số cuối năm</b>	<b><u>24.458.668.477</u></b>	<b><u>2.055.236.092</u></b>	<b><u>10.329.650.984</u></b>	<b><u>1.422.643.422</u></b>	<b><u>3.584.115.858</u></b>	<b><u>41.850.314.833</u></b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Số đầu năm	802.535.930.483	4.210.307.919	19.688.285.117	9.323.657.811	14.880.720.019	850.638.901.349
<b>4. Số cuối năm</b>	<b><u>795.082.634.058</u></b>	<b><u>4.567.213.683</u></b>	<b><u>19.183.457.303</u></b>	<b><u>9.044.243.935</u></b>	<b><u>14.522.224.306</u></b>	<b><u>842.129.773.285</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

## 9. Tài sản cố định thuê tài chính

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số đầu năm	4.568.166.667	72.603.753.524	7.993.799.956	85.165.720.436
2. Tăng trong năm				
3. Giảm trong năm				
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>4.568.166.667</b>	<b>72.603.753.524</b>	<b>7.993.799.956</b>	<b>85.165.720.436</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>				
1. Số đầu năm	340.780.814	21.286.896.987	1.448.609.994	23.076.287.795
2. Tăng trong năm	40.342.407	1.821.513.172	201.974.626	2.063.830.205
3. Giảm trong năm				
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>381.123.221</b>	<b>23.108.410.159</b>	<b>1.650.584.620</b>	<b>25.140.118.289</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Số đầu năm	4.227.385.853	51.323.856.537	6.545.189.962	62.089.432.352
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>4.187.043.446</b>	<b>49.495.343.365</b>	<b>6.343.215.336</b>	<b>60.025.602.147</b>

## 10. Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Sân khấu Sao Mai	17.162.066.382	
- Sửa chữa tài sản cố định	45.770.742.011	
<b>Cộng</b>	<b>62.932.808.393</b>	

## 11. Chi phí trả trước dài hạn

Số cuối kỳ	<u>156.372.855.619</u>
------------	------------------------

## 12. Tài sản dài hạn khác

Khoản quỹ ký cược dài hạn thuê Tài chính	<u>6.379.789.605</u>	
<b>Cộng</b>	<b>6.379.789.605</b>	

## 13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay thêm trong năm</u>	<u>Trả nợ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng Đầu tư phát triển Phú Tài	79.996.000.000	54.875.432.000	43.002.655.000	68.123.223.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam	64.850.000.000	63.513.235.529	42.375.804.625	43.712.569.096
Vay cá nhân	9.896.454.288	7.334.000.000	471.766.129	3.034.220.417
Nợ dài hạn	219.270.000	73.090.000		146.180.000
<b>Cộng</b>	<b>154.961.724.288</b>	<b>125.795.757.529</b>	<b>85.850.225.754</b>	<b>115.016.192.513</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

## 14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty TNHH TM DV Hòa Khánh	537.223.802	
DNTN xăng dầu Hiệp Thành Phát	2.142.202.112	
Xăng dầu Phú thành	1.881.747.110	
Cty TNHH 1TV VTTT Phú Yên	1.070.488.467	
Cty CP PA	421.719.333	
Cty TNHH CKL Việt Nam	470.165.358	
Cty CP Alpha Nam Sài Gòn	920.000.000	
Cty CP Vedan	315.581.987	
Cty CP nước khoáng Vĩnh Hảo	331.044.506	
Bộ phận Resort	153.462.598	
Phải trả người bán khách sạn	873.951.474	
Bộ phận sinh Thái	1.587.178.662	
Bộ phận Siêu Thị	1.470.724.497	
Bộ phận suga	318.593.436	
Các Công ty khác	12.494.083.342	
<b>Cộng</b>	<b><u>16.817.616.270</u></b>	

## 15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bão số 9	123.152.504	-
Vận tải hành khách Sài Gòn	15.259.994	-
Vận tải hành khách Quy Nhơn	188.381.981	-
Khách hàng bộ phận sinh thái	44.525.658	-
Bộ phận khách sạn Cendeluxe	160.167.800	
Các khách hàng khác	85.881.203	
<b>Cộng</b>	<b><u>617.369.140</u></b>	<b><u>-</u></b>

## 16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	6.869.300.485	
Thuế TNCN	122.498.944	
Thuế TNDN	9.465.344.007	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	56.551.847	
<b>Cộng</b>	<b><u>16.513.695.283</u></b>	

(\*) Trình bày trên các khoản thuế phải thu và thuế GTGT được khấu trừ

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ thuế

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Thuế suất vận tải hành khách : 5%

Dịch vụ ăn uống : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh V.11)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau. Số Thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

## 17. Chi phí phải trả 37.677.822.041

Khoản chi phí lãi vay ngân hàng Đầu tư Phát triển Phú Tài.

## 18. Phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Ông Võ Văn Thuận	3.400.000.000	
Bảo hiểm xã hội	423.940.008	
Kinh phí công đoàn	61.184.601	
Bộ phận Sài Gòn	14.900.000	
Phải trả tiền làm đường độc lập	1.896.062.065	
Bộ phận Quy Nhơn	9.222.964	
Bộ phận Khách sạn	422.467.315	
Bà Võ Thanh Minh Hằng	110.000.000	
Bà Phạm Thị Hồng Ngọc	3.900.000.000	
Bà Võ Thị Thanh (bán CP)	113.817.730.000	
Bà Võ Thị Thanh	2.599.815.258	
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	1.225.000.000	
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	2.270.000.000	-
Các khoản khác	1.882,953.317	
<b>Cộng</b>	<u><u>132.033.275.528</u></u>	

## 19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay thêm trong năm</u>	<u>Trả nợ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngân hàng Công Thương	8.441.800.000	9.236.800.000	7.333.400.000	6.538.400.000
Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	555.502.000.000	559.302.000.000	555.402.000.000	551.602.000.000
Nợ thuế tài chính	59.564.185.416	2.186.364.480		57.377.820.936
<b>Cộng</b>	<u><u>623.507.985.416</u></u>	<u><u>570.725.164.480</u></u>	<u><u>562.735.400.000</u></u>	<u><u>615.518.220.936</u></u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

### 20. Vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị CP VND	Tỷ lệ
1. Bà Võ Thị Thanh	10.062.000	100.620.000.000	35%
2. Ông Võ Thanh Hoàng Chương	580.000	5.800.000.000	2%
3. Bà Võ Thanh Minh Hằng	290.000	2.900.000.000	1%
4. Ông Võ Thanh Việt Cường	290.000	2.900.000.000	1%
5. Ông Trương Trọng Cử	290.000	2.900.000.000	1%
6. Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	290.000	2.900.000.000	1%
7. Các cổ đông khác	17.200.000	172.000.000.000	59%
<b>Cộng</b>	<b>29.002.000</b>	<b>290.020.000.000</b>	<b>100%</b>

### 21. Lợi nhuận chưa phân phối

– Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		17.429.416
– Lợi nhuận chưa phân phối phát sinh trong kì	27.893.848.749	
– Điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	
– <b>Lợi nhuận lũy kế</b>	<b>27.911.278.165</b>	
– Lợi nhuận giảm		
<b>Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau</b>	<b>27.911.278.165</b>	

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
– Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	170.869.469.514	
– Các khoản giảm trừ doanh thu	438.331.404	
– <b>Doanh thu thuần</b>		

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

## 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.361.278.432	
<b>Cộng</b>		

## 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi	5.234.025.674	
<b>Cộng</b>		

## 4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí trả lãi vay	37.284.017.088	
<b>Cộng</b>		

## 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên bán hàng		
Chi phí công cụ dụng cụ		
Chi phí khấu hao		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí khác bằng tiền		
<b>Cộng</b>	<u>20.325.754.097</u>	

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý		
Chi phí công cụ dụng cụ		
Chi phí khấu hao		
Thuế, phí lệ phí		
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí khác bằng tiền		
<b>Cộng</b>	<u>14.905.866.699</u>	

## 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi thế kinh doanh thương mại	34.200.000.000	
Các khoản khác	3.067.535.871	
<b>Cộng</b>	<u>37.267.535.871</u>	

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

---

## 8. Chi phí khác

*Cộng*

1.552.394.003

VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG

Tổng Giám đốc

HUỲNH SỸ CHIẾN

Kế toán trưởng